

Số: 153/2021/NQ-HĐND

Hưng Yên, ngày 07 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Hưng Yên năm 2022

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 245/TTr-UBND ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022; Báo cáo thẩm tra số 943/BC-KTNS ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Hưng Yên năm 2022.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức

năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 75/2016/NQ-HĐND ngày 25 tháng 11 năm 2016 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2017.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVII, kỳ họp thứ Năm nhất trí thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 17 tháng 12 năm 2021. / *Trần Quốc Toàn*

Nơi nhận: *HĐ*

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện, thị xã, TP;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Quốc Toàn



QUY ĐỊNH

Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Hưng Yên năm 2022

(Kèm theo Nghị quyết số 153/2021/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương áp dụng cho năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định áp dụng cho thời kỳ ổn định ngân sách tại Quy định này.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, cơ quan Đảng, đoàn thể tỉnh, đơn vị dự toán và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập, phân bổ, chấp hành dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguyên tắc, yêu cầu xây dựng định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước

1. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước phải rõ ràng, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và kiểm tra; đảm bảo công bằng, công khai và minh bạch trong phương án phân bổ ngân sách; phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước năm 2022 và các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới; đáp ứng cơ bản nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và của mỗi cấp chính quyền, đồng thời tạo điều kiện để sở, ban ngành, đơn vị dự toán; từng bước phù hợp với thông lệ quốc tế.

2. Chỉ xác định định mức đối với một số lĩnh vực chi có phạm vi điều chỉnh rộng, mang tính thường xuyên; không ban hành định mức đối với một số lĩnh vực chi thường xuyên có tính đặc thù, mang tính chất riêng.

3. Định mức phân bổ chi thường xuyên của năm 2022 đã bao gồm toàn bộ nhu cầu kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện các chế độ chính sách do Trung ương và địa phương ban hành đến 01/9/2021 và nhu cầu kinh phí thực hiện chế độ tiền lương theo mức tiền lương cơ sở 1.490.000 đồng/tháng. *Đang*

4. Dự toán chi thường xuyên của từng huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn tính theo nguyên tắc, tiêu chí và định mức năm 2022 đảm bảo không thấp hơn dự toán chi thường xuyên năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

5. Đối với các đơn vị sự nghiệp công lập có nguồn thu theo quy định của pháp luật, thực hiện đúng cơ chế tài chính hiện hành, bảo đảm công bằng trong phân bổ ngân sách giữa đơn vị có thu và đơn vị không có nguồn thu, góp phần thúc đẩy xã hội hoá, mức kinh phí ngân sách cấp cho hoạt động thường xuyên của đơn vị sự nghiệp công lập có thu được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa nhu cầu chi theo định mức này và một phần số thu phí, lệ phí, thu khác được để lại của đơn vị sau khi trừ chi phí hoạt động thu theo chế độ quy định.

6. Trong quá trình phân bổ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước Thủ trường các sở, ban, ngành, cơ quan đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện thị xã thành phố phải quán triệt thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; cải cách hành chính nâng cao chất lượng dịch vụ công, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước; góp phần đổi mới quản lý tài chính đối với khu vực sự nghiệp công để giảm mức hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị sự nghiệp công lập, tăng nguồn đảm bảo chính sách hỗ trợ người nghèo, đối tượng chính sách tiếp cận các dịch vụ sự nghiệp công, khuyến khích xã hội hoá, huy động các nguồn lực xã hội để phát triển kinh tế - xã hội.

7. Thúc đẩy thực hiện chủ trương cơ cấu lại thu - chi ngân sách nhà nước và nợ công theo đúng Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ, tiết kiệm triệt để chi thường xuyên, thực hiện sắp xếp bộ máy quản lý hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện, xã, tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW, thực hiện đề án cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW.

Chương II

TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CẤP TỈNH

Điều 3. Định mức phân bổ dự toán chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể

1. Chi con người

Ngân sách đảm bảo chi lương và các khoản có tính chất lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao; các khoản chi con người theo hợp đồng đối với người làm việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi chung là Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ) được cấp có thẩm quyền giao.

2. Chi hoạt động quản lý hành chính

a) Về tiêu chí: căn cứ vào biên chế được cấp có thẩm quyền giao có phân bậc từng nhóm biên chế. *truu*

b) Định mức phân bổ tính theo biên chế, đã bao gồm:

- Các khoản chi thường xuyên phục vụ hoạt động bộ máy các cơ quan: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí, hội nghị, tổng kết; đoàn ra, đoàn vào; vật tư văn phòng, thanh toán dịch vụ công cộng; chi ứng dụng công nghệ thông tin; vận hành trụ sở cơ quan; chi hỗ trợ hoạt động cho công tác Đảng, Đoàn thể trong cơ quan;

- Các khoản chi nghiệp vụ mang tính thường xuyên phát sinh hàng năm: chi nghiệp vụ chuyên môn quản lý ngành, lĩnh vực; chi xây dựng, tập huấn, tuyên truyền, phổ biến văn bản quy phạm pháp luật; chi hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát; kinh phí thường xuyên ban tiếp dân; kinh phí kiểm soát thủ tục hành chính, cải cách hành chính, kinh phí tiếp dân xử lý đơn thư, chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ; kiểm tra, rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật;

- Kinh phí sửa chữa thường xuyên tài sản phục vụ công tác chuyên môn và bảo dưỡng, bảo trì các công trình cơ sở hạ tầng; kinh phí mua sắm, thay thế trang thiết bị, phương tiện làm việc của cán bộ, công chức theo quy định.

c) Các khoản chi đặc thù ngoài định mức

- Các khoản chi hoạt động đặc thù của cơ quan đảng, đoàn thể, các sở, ngành: kinh phí đối ứng các dự án, thuê trụ sở, tổ chức đại hội, hoạt động của các Ban chỉ đạo, Tổ công tác liên ngành; chi mua sắm tài sản cố định, mua sắm trang thiết bị cho biên chế mới;

- Sửa chữa lớn trụ sở và các công trình phụ trợ (không quá 2.000 triệu đồng/trụ sở/năm);

- Các khoản chi đặc thù mang tính chất riêng biệt của từng đơn vị;

- Các nhiệm vụ đặc thù phát sinh không thường xuyên khác: căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương và sự cần thiết, cấp bách của nhiệm vụ chi, cơ quan có thẩm quyền xem xét, bố trí phù hợp.

d) Đối với các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp: thực hiện theo Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/04/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức hoạt động và quản lý hội: các hội có tính chất đặc thù được cấp kinh phí hoạt động theo số biên chế được giao; bảo đảm kinh phí để thực hiện nhiệm vụ nhà nước giao và hỗ trợ cơ sở vật chất, phương tiện hoạt động; được khuyến khích, tạo điều kiện tham gia thực hiện một số hoạt động quản lý nhà nước, các dịch vụ công; thực hiện tư vấn, phản biện và giám định xã hội; thực hiện các chương trình, đề tài, dự án.

3. Về định mức cụ thể

- Định mức phân bổ chi của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị theo từng bậc biên chế như sau: *trung*

STT	Bậc biên chế	Định mức phân bổ (Triệu đồng/biên chế/năm)
1	Từ biên chế 51 trở lên	27
2	Từ biên chế thứ 36 đến 50	28
3	Từ biên chế thứ 16 đến 35	29
4	Từ biên chế thứ 1 đến 15	30
5	Cơ quan Đảng	32

- Các tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp đặc thù được giao theo số lượng người làm việc, mức hỗ trợ tối đa bằng 80% so với định mức quản lý nhà nước tương đương.

- Đối với hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ, định mức chi hoạt động bằng 50% so với định mức quản lý nhà nước tương đương.

- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh, ngoài định mức phân bổ nêu trên có tính toán bổ sung thêm các nhiệm vụ chi đặc thù cụ thể của từng đơn vị.

Điều 4. Định mức phân bổ cho các đơn vị sự nghiệp công lập

1. Ngân sách hỗ trợ chi thường xuyên các đơn vị công lập theo cơ chế tự chủ tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên, chi đầu tư: thực hiện cơ chế nhà nước đặt hàng, hoặc giao nhiệm vụ đối với dịch vụ sự nghiệp công nằm trong danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền ban hành và theo giá do cơ quan có thẩm quyền quy định theo pháp luật.

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá phí, chưa tính đủ chi phí): thực hiện cơ chế nhà nước đặt hàng, hoặc giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước được cấp có thẩm quyền ban hành và theo giá, phí do cơ quan có thẩm quyền quy định chưa tính đủ chi phí. Ngân sách nhà nước hỗ trợ phần chi phí chưa kết cấu trong giá, phí dịch vụ sự nghiệp công theo lộ trình quy định.

c) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập còn lại do ngân sách nhà nước đảm bảo chủ yếu chi thường xuyên (không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp): ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí chi thường xuyên ổn định trong thời kỳ ổn định ngân sách mới và được điều chỉnh khi nhà nước thay đổi nhiệm vụ, cơ chế chính sách quy định. *Amk*

Hằng năm, thực hiện lộ trình giá dịch vụ khám chữa bệnh, phấn đấu tăng khả năng thu của các đơn vị sự nghiệp công lập ngành y tế để giảm dần mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

- Định mức chi khối phòng bệnh

+ Đối với tuyến tỉnh, ngân sách đảm bảo lương và các khoản có tính chất lương, chi hoạt động phân bổ theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền giao, định mức chi hoạt động tối đa bằng 80% định mức khối quản lý nhà nước tương đương; ngoài ra được tính thêm các nhiệm vụ đặc thù.

+ Đối với tuyến huyện, thị xã, thành phố: phân bổ theo dân số, định mức 30.000 đồng/người/năm.

- Đối với chi cho cán bộ y tế cấp xã: theo thực tế chi trả cho con người (bao gồm cả các khoản phải nộp theo quy định). Chi hoạt động thường xuyên tính theo định mức: 30 triệu đồng/trạm y tế/năm.

- Kinh phí mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định, kinh phí hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện.

d) Sự nghiệp giao thông: định mức duy tu, bảo dưỡng thường xuyên đường giao thông

STT	Loại đường	Định mức năm 2022 (Triệu đồng/km/năm)
1	Đường bộ	74
2	Đường ủy thác	65
3	Đường sông	44

- Cầu đường bộ (Chiều dài 25m<L<400m): 2.850.000 đồng/m/năm.

Các năm tiếp theo được tính tăng thêm một phần trên cơ sở tỷ lệ tăng lương cơ sở.

- Đối với các dự án sửa chữa vừa và sửa chữa lớn đường bộ, đường sông thực hiện theo dự toán và khả năng ngân sách được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

đ) Các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại, ngân sách hỗ trợ sau khi cân đối nguồn thu sự nghiệp, mức hỗ trợ chi hoạt động như sau:

- Đơn vị sự nghiệp công có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên dưới 10%: do ngân sách Nhà nước bảo đảm toàn bộ chi phí hoạt động. Mức hỗ trợ tối đa bằng 80% so với định mức quản lý nhà nước tương đương.

- Đơn vị sự nghiệp có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên từ 10% đến dưới 30%: mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa bằng 70% so với định mức quản lý nhà nước tương đương.

- Đơn vị sự nghiệp có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên từ 30% đến dưới 70%: mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa bằng 60% so với định mức quản lý nhà nước tương đương. *msb*

2. Tiêu chí xác định định mức: theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền giao có phân bậc theo quy mô biên chế.

3. Định mức chi thường xuyên sự nghiệp cụ thể như sau: ngân sách đảm bảo quỹ lương, phụ cấp, các khoản đóng góp của những người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước và hỗ trợ chi hoạt động tối đa bằng 80% so với định mức quản lý nhà nước tương đương (kinh phí hỗ trợ chi hoạt động bao gồm: các khoản chi phục vụ hoạt động, nghiệp vụ mang tính chất thường xuyên bộ máy của các cơ quan: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, vật tư, văn phòng phẩm, điện, nước, xăng dầu, vệ sinh môi trường, sách, báo, tạp chí, tài liệu phục vụ công tác chuyên môn, hội nghị tổng kết, sơ kết, điện thoại, Internet, cước bưu chính, công tác phí, làm thêm giờ, bảo hiểm xe ô tô phục vụ công tác, chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ, tiếp khách, mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng thường xuyên).

a) Sự nghiệp giáo dục: đối với các đơn vị thuộc sự nghiệp giáo dục tỉnh quản lý (các trường Trung học phổ thông, trường Chuyên Hưng Yên, Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh, ...) ngoài quỹ lương theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước, phân bổ theo định mức 26 triệu đồng/người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đồng thời đảm bảo tỷ lệ 81% chi con người từ ngân sách nhà nước/19% chi hoạt động thường xuyên.

Tỷ lệ trên chỉ áp dụng đối với năm 2022. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, kinh phí chi hoạt động của các đơn vị thuộc sự nghiệp giáo dục giữ nguyên như năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách và chỉ được điều chỉnh tăng/giảm theo số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao tăng/giảm hàng năm.

- Các khoản chi đặc thù ngoài định mức: kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí; hỗ trợ chi phí học tập, học bổng và phương tiện học tập cho học sinh khuyết tật; hỗ trợ chính sách đối với sinh viên sư phạm theo quy định.

b) Chi sự nghiệp đào tạo và dạy nghề: chi con người được ngân sách nhà nước đảm bảo lương và các khoản có tính chất lương theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được cấp thẩm quyền giao; hỗ trợ chi hoạt động chuyên môn, quản lý theo mức hỗ trợ như đối với các đơn vị sự nghiệp công lập còn lại được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại Điểm đ, khoản 3 Điều này.

c) Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình

- Định mức chi khối chữa bệnh

+ Ngân sách nhà nước cấp phần chênh lệch tiền lương ngạch bậc, chức vụ, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ do Nhà nước quy định do chưa bảo đảm được từ nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh (trong đó đối với nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế tính theo số thu được Bảo hiểm xã hội quyết toán) (nếu có).

+ Định mức hỗ trợ thêm chi phí của bộ phận gián tiếp, các chi phí hợp pháp khác để vận hành, bảo đảm hoạt động bình thường của khối khám chữa bệnh ngành y tế là: 16 triệu đồng/giường bệnh/năm. *luuuuu*

d) Hoạt động kiến thiết thị chính

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tiêu chí phân bổ	Định mức năm 2022
1	Thành phố Hưng Yên, thị xã Mỹ Hào	Phân bổ trên cơ sở khối lượng, nhiệm vụ chi do Ủy ban nhân dân tỉnh giao, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá do Nhà nước quy định và khả năng ngân sách	
2	Các huyện có khu vực đạt tiêu chí đô thị loại IV	Triệu đồng/huyện/năm	5.000
3	Huyện Yên Mỹ	Triệu đồng/huyện/năm	2.000
4	Các huyện còn lại	Triệu đồng/huyện/năm	1.500

đ) Sự nghiệp kinh tế khác (gồm cả khảo sát giá đất)

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tiêu chí phân bổ	Định mức năm 2022
1	Thành phố Hưng Yên	Triệu đồng/huyện/năm	15.000
2	Thị xã Mỹ Hào	Triệu đồng/huyện/năm	12.000
3	Các huyện có khu vực đạt tiêu chí đô thị loại IV	Triệu đồng/huyện/năm	10.000
4	Huyện Yên Mỹ	Triệu đồng/huyện/năm	7.000
5	Các huyện còn lại	Triệu đồng/huyện/năm	5.000

2. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề

a) Sự nghiệp giáo dục (đã bao gồm: Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Giáo dục nghề nghiệp)

Ngoài quỹ lương theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao, phân bổ theo định mức 24 triệu đồng/người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước đồng thời đảm bảo tỷ lệ chi thường xuyên cho hoạt động giảng dạy và học tập là 81% chi con người từ ngân sách nhà nước/19% chi hoạt động thường xuyên.

Tỷ lệ trên chỉ áp dụng đối với năm 2022. Các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách mới, kinh phí chi hoạt động của các đơn vị thuộc sự nghiệp giáo dục giữ nguyên như năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách và chỉ được điều chỉnh tăng/giảm theo số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao tăng/giảm hằng năm.

- Các khoản chi đặc thù ngoài định mức: kinh phí thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập, học bổng và phương tiện học tập cho học sinh khuyết tật; kinh phí hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ em mẫu giáo 3-5 tuổi; Hỗ trợ chính sách đối với sinh viên sư phạm theo quy định.

b) Sự nghiệp đào tạo - dạy nghề (Trung tâm Bồi dưỡng chính trị)

- Chi quỹ lương của số người làm việc được giao.

- Chi hoạt động thường xuyên phân bổ theo tiêu chí biên chế và dân số (Đã bao gồm kinh phí thực hiện các lớp đào tạo, bồi dưỡng): *trung*

- Đơn vị sự nghiệp có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên từ 70% đến dưới 100%: mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước tối đa bằng 30% so với định mức quản lý nhà nước tương đương.

- Đơn vị sự nghiệp có mức tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên của đơn vị từ 100% trở lên: ngân sách nhà nước không hỗ trợ (trừ kinh phí đối với các nhiệm vụ do Nhà nước giao nhiệm vụ, đặt hàng, đấu thầu theo quy định).

Ngoài định mức trên, đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động đặc thù được ngân sách hỗ trợ thêm một phần kinh phí đảm bảo nhiệm vụ. Khuyến khích đơn vị tăng dần mức độ tự chủ, giảm dần chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

Chương III

TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYỀN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO CẤP HUYỆN VÀ CẤP XÃ

Điều 5. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố

1. Định mức phân bổ sự nghiệp kinh tế

a) Sự nghiệp Giao thông

STT	Nội dung	Tiêu chí phân bổ	Định mức năm 2022
1	Duy tu, bảo dưỡng	Triệu đồng/Km/năm	54
2	Sửa chữa	Triệu đồng/Km/năm	21

Cầu đường bộ (Chiều dài 25m < L < 300m): 2.850.000 đồng/m/năm.

Các năm tiếp theo được tính tăng thêm một phần trên cơ sở tỷ lệ tăng lương cơ sở.

- Hỗ trợ giao thông nông thôn: 30 triệu đồng/xã/năm.

b) Sự nghiệp Nông nghiệp (đã bao gồm hỗ trợ kinh phí gieo mạ dự phòng và tét trồng cây)

STT	Nội dung	Tiêu chí phân bổ	Định mức năm 2022
1	Chi thường xuyên	Triệu đồng/xã/năm	40

- Chi trợ giá giống cây, con giống: theo kế hoạch hàng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh (có quyết định cụ thể).

c) Thủy lợi, phòng chống thiên tai

STT	Nội dung	Tiêu chí phân bổ	Định mức năm 2022
1	Phòng chống thiên tai	Triệu đồng/huyện/năm	50
2	Điểm canh đê (bao gồm đê chính và đê bồi)	Triệu đồng/điểm/năm	25
3	Thủy lợi nội đồng	Triệu đồng/xã/năm	20

Brunf

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Định mức năm 2022
1	Biên chế	Triệu đồng/biên chế/năm	22
2	Dân số	Đồng/người dân/năm	8.800

3. Sự nghiệp Văn hoá, thông tin, thể thao

a) Chi quỹ lương theo số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao.

b) Chi hoạt động thường xuyên phân bổ theo tiêu chí số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao và dân số (đã bao gồm hỗ trợ hoạt động hè của đoàn thanh niên)

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Định mức năm 2022
1	Biên chế	Triệu đồng/biên chế/năm	22
2	Dân số	Đồng/người dân/năm	8.800

4. Sự nghiệp phát thanh truyền hình và các hoạt động thông tin khác

a) Chi quỹ lương theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao.

b) Chi hoạt động thường xuyên phân bổ theo tiêu chí số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao và dân số

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Định mức năm 2022
1	Biên chế	Triệu đồng/biên chế/năm	22
2	Dân số	Đồng/người dân/năm	8.800

5. Sự nghiệp đảm bảo xã hội

a) Tiêu chí xác định định mức theo đối tượng bảo trợ xã hội, bao gồm:

- Chế độ trợ cấp cho các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác theo quy định;

- Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội mức hỗ trợ/hộ căn cứ biểu giá bán điện theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

- Kinh phí quà Tết cho người cao tuổi;

- Hỗ trợ chi phí hỏa táng theo quy định.

b) Sự nghiệp đảm bảo xã hội khác (công tác tuyên truyền, tập huấn, thẩm định hồ sơ, chi khác phục vụ cho công tác quản lý tại cấp huyện) được tính theo định mức

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tiêu chí phân bổ	Định mức năm 2022
1	Huyện Khoái Châu, Ân Thi	Triệu đồng/huyện/năm	120
2	Các huyện, thị xã, thành phố còn lại	Triệu đồng/huyện/năm	100

Rowing

6. Sự nghiệp y tế

a) Hoạt động Hội chữ thập đỏ

- Chi quỹ lương theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao.

- Hỗ trợ chi hoạt động theo định mức

STT	Nội dung	Tiêu chí phân bổ	Định mức năm 2022
1	Hoạt động Hội Chữ thập đỏ	Triệu đồng/huyện/năm	60

b) Mua bảo hiểm y tế cho các đối tượng theo quy định, kinh phí hỗ trợ đóng Bảo hiểm xã hội tự nguyện.

7. Sự nghiệp bảo vệ môi trường: phân bổ theo số đơn vị hành chính

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Tiêu chí phân bổ	Định mức năm 2022
1	Văn Lâm, Mỹ Hào, Yên Mỹ, Văn Giang	Triệu đồng/xã/năm	50
2	Các huyện, thành phố còn lại	Triệu đồng/xã/năm	40

8. Định mức phân bổ chi quản lý hành chính, đảng, đoàn thể

a) Chi con người: ngân sách đảm bảo chi lương và các khoản có tính chất lương theo biên chế được cấp có thẩm quyền giao; các khoản chi con người theo hợp đồng đối với người làm việc theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ được cấp có thẩm quyền giao.

b) Chi hoạt động quản lý hành chính, đảng, đoàn thể

* Quản lý nhà nước

- Phân bổ theo tiêu chí biên chế và dân số

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Định mức năm 2022
1	Biên chế	Triệu đồng/biên chế/năm	25
2	Dân số	Đồng/người dân/năm	13.000

- Định mức chi hoạt động thường xuyên trên đã bao gồm:

+ Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động, nghiệp vụ thường xuyên phục vụ bộ máy của các cơ quan: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, vật tư, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu, vệ sinh môi trường, sách, báo, tạp chí, tài liệu phục vụ công tác chuyên môn, hội nghị tổng kết, sơ kết, điện thoại, Internet, cước bưu chính, công tác phí, làm thêm giờ, bảo hiểm xe ô tô phục vụ công tác, tiếp khách, mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ; kinh phí hoạt động tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; Ban chỉ đạo quản lý chất lượng theo mô hình khung, kinh phí thường xuyên ban tiếp dân, kinh phí chi bộ phận một cửa, kinh phí tăng cường kiểm soát thủ tục hành chính, kinh phí tiếp dân xử lý đơn thư, chi đào tạo bồi dưỡng cán bộ, chi hoạt động chuyên môn, quản lý

Amun

lĩnh vực ngành, chi khác, chi mua sắm sửa chữa bổ sung tài sản các phòng ban thuộc huyện, chi hoạt động của các tổ chức, ban;

+ Kinh phí thực hiện Quyết định số 99-QĐ/TW ngày 30/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương về ban hành chế độ chi hoạt động công tác đảng của tổ chức cơ sở đảng, đảng bộ cấp trên trực tiếp cơ sở;

+ Kinh phí xây dựng ban hành kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật;

+ Đối với hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ được tính đủ lương và các khoản đóng góp theo lương, định mức chi hoạt động bằng 50% so với định mức quản lý nhà nước tương đương.

* Hội đồng nhân dân

Chi hoạt động theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh để phục vụ các kỳ họp, tiếp xúc cử tri (không bao gồm kinh phí may trang phục cho đại biểu)

STT	Huyện, thành phố, thị xã	Tiêu chí phân bổ	Định mức năm 2022
1	Khoái Châu, Ân Thi	Triệu đồng/huyện/năm	510
2	Các huyện, thị xã, thành phố còn lại	Triệu đồng/huyện/năm	450

* Kinh phí Đảng

- Phân bổ theo tiêu chí biên chế và dân số

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Định mức năm 2022
1	Biên chế	Triệu đồng/biên chế/năm	27
2	Dân số	Đồng/người dân/năm	13.000

- Định mức chi hoạt động thường xuyên trên đã bao gồm:

+ Các khoản chi hành chính phục vụ hoạt động, nghiệp vụ thường xuyên phục vụ bộ máy của các cơ quan: khen thưởng theo chế độ, phúc lợi tập thể, vật tư, văn phòng phẩm, điện nước, xăng dầu, vệ sinh môi trường, sách, báo, tạp chí, tài liệu phục vụ công tác chuyên môn, hội nghị tổng kết, sơ kết, điện thoại, Internet, cước bưu chính, công tác phí, làm thêm giờ, bảo hiểm xe ô tô phục vụ công tác, tiếp khách, mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng nhỏ; kinh phí chi chế độ cho cán bộ làm công tác lưu trữ, chế độ cho người làm công tác cơ yếu; chi đào tạo bồi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cán bộ, chi hoạt động chuyên môn, quản lý lĩnh vực ngành, chi khác, chi mua sắm sửa chữa bổ sung tài sản; kinh phí xây dựng và ban hành văn bản; hoạt động kiểm tra, giám sát; kinh phí tiếp dân, xử lý đơn thư.

+ Kinh phí tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

+ Kinh phí chi nghiệp vụ khối Đảng.

* Tổ chức chính trị - xã hội

- Phân bổ theo tiêu chí biên chế

Bran

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Định mức năm 2022
1	Biên chế	Triệu đồng/biên chế/năm	25

- Ngoài ra bổ sung thêm phụ cấp cựu chiến binh theo thực tế chi trả.

* Hỗ trợ tổ chức xã hội (Hội người mù)

+ Chi quỹ lương theo số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước được giao.

+ Hỗ trợ chi hoạt động

STT	Nội dung	Tiêu chí phân bổ	Định mức năm 2022
1	Hoạt động Hội Người mù	Triệu đồng/huyện/năm	60

9. Chi an ninh, quốc phòng

a) An ninh

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Định mức năm 2022
1	Huyện	Triệu đồng/huyện/năm	50
2	Dân số	Đồng/người dân/năm	4.500

b) Quốc phòng

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Định mức năm 2022
1	Huyện	Triệu đồng/huyện/năm	350
2	Dân số	Đồng/người dân/năm	4.500

Chi phụ cấp cho dân quân tự vệ: chi trả thực tế theo chế độ quy định.

10. Khen thưởng: định mức bằng 0,5% tổng chi thường xuyên.

11. Chi khác ngân sách: định mức tính bằng 0,5% tổng chi thường xuyên.

12. Dự phòng: định mức tính bằng 2% tổng chi.

Điều 6. Tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các xã, phường, thị trấn

1. Chi con người: ngân sách nhà nước đảm bảo toàn bộ chi tiền lương và các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp của cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách được phân bổ theo biên chế được giao theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ và số người có mặt tại thời điểm làm dự toán; phụ cấp đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã; trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo quy định của Chính phủ.

2. Chi hoạt động thường xuyên cấp xã

a) Theo tiêu chí loại xã

STT	Xã, phường, thị trấn	Tiêu chí phân bổ	Định mức năm 2022
1	Loại I	Triệu đồng/xã/năm	1.100
2	Loại II	Triệu đồng/xã/năm	1.045
3	Loại III	Triệu đồng/xã/năm	990

B. K. V. V.

b) Theo tiêu chí dân số

STT	Tiêu chí	Đơn vị	Định mức năm 2022
1	Dân số	Đồng/người dân/năm	13.000

Định mức trên đã bao gồm: kinh phí hoạt động của Ban vận động toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa xã, cụm dân cư; hoạt động chi bộ, đoàn thể thôn; chi hỗ trợ thanh tra nhân dân; công tác viên dân số, trẻ em; đội tình nguyện xã hội; giáo dục cộng đồng; hoạt động tiếp công dân; xây dựng, rà soát, phổ biến giáo dục pháp luật; hoạt động hội người cao tuổi, hội khuyến học; công tác Đảng...; đảm bảo chi tối thiểu cho một số lĩnh vực: sự nghiệp môi trường 35 triệu đồng/năm, hoạt động hè 15 triệu đồng/năm.

c) Tiêu chí bổ sung: chi an ninh 60 triệu đồng/xã/năm; chi quốc phòng 60 triệu đồng/xã/năm; hỗ trợ các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã 60 triệu đồng/xã/năm; kinh phí chi bộ phận một cửa theo quy định.

3. Khen thưởng: định mức 20 triệu đồng/xã/năm.

4. Dự phòng: định mức tính bằng 2% tổng chi.

Điều 7. Tiêu chí bổ sung khi phân bổ dự toán chi thường của ngân sách huyện, xã

1. Đối với huyện có các Khu công nghiệp và khu dân cư biến động lớn do biến động của dân số cơ học như: Văn Lâm, Văn Giang, Mỹ Hào, Yên Mỹ định mức phân bổ theo đầu dân số được tính theo hệ số 1,2 định mức trên. Ngoài ra, căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách địa phương và sự cần thiết, cấp bách của nhiệm vụ chi phát sinh tại các huyện, thị xã, thành phố và các xã, phường, thị trấn, cơ quan có thẩm quyền xem xét, hỗ trợ kinh phí phù hợp (trong đó, hỗ trợ sửa chữa, bảo dưỡng trụ sở và các công trình phụ trợ không quá 1.000 triệu đồng/trụ sở/năm).

2. Định mức phân bổ ngân sách chi thường xuyên để xác định tổng mức chi thường xuyên của các huyện, thị xã, thành phố. Các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào tổng mức chi thường xuyên để phân bổ chi thường xuyên cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, đảm bảo chi tiết sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề không thấp hơn dự toán do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

3. Các nội dung được cấp có thẩm quyền quy định về định mức chi riêng trước ngày 01/9/2021 chưa được quy định trong Nghị quyết này (nếu có) thì các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, các huyện, xã chủ động chi từ định mức chi theo biên chế và định mức chi theo dân số. *Đ. Hùng*